

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	BAO GỒM		QUYẾT TOÁN	BAO GỒM		SO SÁNH (%)		
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN		NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN	NSDP	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
	TỔNG CHI NSDP	10.693.415.000.000	4.977.134.000.000	5.716.281.000.000	13.953.736.943.803	6.216.613.888.975	7.737.123.054.828	130,5%	124,9%	135,4%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.606.263.000.000	2.650.968.000.000	4.955.295.000.000	7.688.997.782.510	2.455.619.359.629	5.233.378.422.881	101,1%	92,6%	105,6%
I	Chi đầu tư phát triển	881.792.000.000	359.989.000.000	521.803.000.000	724.082.111.196	229.544.546.233	494.537.564.963	82,1%	63,8%	94,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	881.792.000.000	359.989.000.000	521.803.000.000	723.732.111.196	229.544.546.233	494.187.564.963	82,1%	63,8%	94,7%
	Trong đó chia theo lĩnh vực:									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				112.655.227.353	27.713.169.318	84.942.058.035			
-	Chi khoa học và công nghệ				205.000.000	205.000.000				
	Trong đó chia theo nguồn vốn:									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000.000.000	40.000.000.000	160.000.000.000	49.841.705.326		49.841.705.326	24,9%	0,0%	31,2%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	21.050.000.000	21.050.000.000		19.959.436.394	17.564.548.318	2.394.888.076	94,8%	83,4%	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật									
3	Chi đầu tư phát triển khác				350.000.000		350.000.000			
II	Chi thường xuyên	6.454.640.000.000	2.108.078.000.000	4.346.562.000.000	6.953.776.695.933	2.215.228.394.015	4.738.548.301.918	107,7%	105,1%	109%
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.960.519.000.000	350.702.000.000	2.609.817.000.000	3.280.015.836.968	371.140.597.392	2.908.875.239.576	110,8%	105,8%	111,5%
2	Chi khoa học và công nghệ	12.639.000.000	12.639.000.000		13.332.841.042	13.332.841.042		105,5%	105,5%	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	608.000.000	608.000.000		362.926.585	362.926.585		59,7%	59,7%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000.000.000	1.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		200%	200%	
V	Dự phòng ngân sách	184.856.000.000	97.926.000.000	86.930.000.000						
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	83.367.000.000	83.367.000.000							

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	BAO GỒM		QUYẾT TOÁN	BAO GỒM		SO SÁNH (%)		
			NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN		NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN	NSDP	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	NGÂN SÁCH HUYỆN
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	3.087.152.000.000	2.326.166.000.000	760.986.000.000	2.735.655.654.431	1.352.877.864.467	1.382.777.789.964	88,6%	58,2%	181,7%
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.722.382.000.000	967.599.000.000	754.783.000.000	1.599.667.535.674	341.405.138.834	1.258.262.396.840	92,9%	35,3%	166,7%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.364.770.000.000	1.358.567.000.000	6.203.000.000	1.135.988.118.757	1.011.472.725.633	124.515.393.124	83,2%	74,5%	2007,3%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				3.141.049.372.471	2.104.504.961.250	1.036.544.411.221			